

Số: 116/2023/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 21 tháng 04 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 116/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận Tận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. NĐKKHTT; Ph Th, xã D, L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: Tiểu khu a, xã C, N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991. NĐKKHTT; Ph, T, xã D, L, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở: Tiểu khu 1, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2015 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 16/11/2015.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa Tận hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu Tẫn. Anh chị cho rằng nguyên nhân mâu Tẫn do anh chị tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu Tẫn, nghi ngờ tình cảm của nhau. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Đến tháng 10/2022 anh chị đã sống ly thân. Nay anh chị đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể thực hiện được, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất Tận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, chị T, anh L vẫn giữ

nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận Tận tình ly hôn của chị T và anh L.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung; Thống nhất thỏa Tận; Sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Kiều My, sinh ngày 14/06/2021 cho đến khi cháu My trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Duy Khoa, sinh ngày 17/10/2016 cho đến khi cháu Khoa trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Thỏa Tận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không có.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị L tự nguyện nhận chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc Tận tình ly hôn và thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận Tận tình ly hôn và sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L nhất trí Tận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L có 02 con chung; Thống nhất thỏa Tận; Sau khi ly hôn chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Kiều My, sinh ngày 14/06/2021 cho đến khi cháu My trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Duy Khoa, sinh ngày 17/10/2016 cho đến khi cháu Khoa trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị T, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị T, anh L được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở chị T, anh L thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận Tận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai T Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0003119 ngày 30 tháng 03 năm 2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Tòa án nhân dân tỉnh sơn la;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tráng A Tênh